

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ Đ
TỈNH G L

Bản án số: 25/2024/HSST.

Ngày: 25/4/2024.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ Đ, TỈNH G L

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Viết Minh Quân.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Huỳnh Thị Ngọc Diệp.

Ông Lưu Thông.

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Đức Quang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ Đ, tỉnh G L.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ Đ, tỉnh G L tham gia phiên tòa:
Bà L Thị Bưởi - Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 4 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ Đ, tỉnh G L xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 09/2024/TLHS-ST, ngày 02 tháng 02 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2024/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 3 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 23/2024/HSST-QĐ ngày 02 tháng 4 năm 2024 đối với các bị cáo::

Bị cáo thứ nhất: J, sinh ngày: 07/7/2000 tại tỉnh G L; Nơi cư trú: Thôn Blo, xã ADok, huyện Đ Đ, tỉnh G L; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ văn hoá: 8/12; Dân tộc: Jarai; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; CCCD số: 064200016523; Con ông L, sinh năm 1979 và con bà H, sinh năm 1980. Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo tại ngoại; Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

* Nhân thân bị cáo: Ngày 29/12/2016, bị Tòa án nhân dân huyện Đ Đ, tỉnh G L xử phạt 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng về tội “Cướp tài sản” tại Bản án số 37/2016/HSST (Đã xóa án tích).

Bị cáo thứ Hai: C (tên gọi khác: C), sinh ngày: 01/01/1993 tại tỉnh G L; Nơi cư trú: Thôn Blo, xã ADok, huyện Đ Đ, tỉnh G L; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ văn hoá: 3/12; Dân tộc: Jarai; Tôn giáo: Công giáo; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; CCCD số: 064093001089; Con ông L, sinh năm 1965 và con bà B, sinh năm 1964. Có vợ là P, sinh năm 1990. Bị cáo có bốn người con, lớn nhất sinh năm 2012, nhỏ nhất sinh năm 2022; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo tại ngoại; Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

* Nhân thân bị cáo: Ngày 14/6/2011, bị Tòa án nhân dân huyện C S, tỉnh G L xử phạt 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng về tội “*Trộm cắp tài sản*” tại Bản án số 41/2011/HSST (Đã xóa án tích).

* Người bào chữa cho bị cáo J và bị cáo C: Bà Nguyễn Hoàng Kim Loan – Trợ giúp viên pháp lý của trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh G L. Có mặt.

* Bị hại:

1. Chị B, sinh ngày 08/6/2008.

Trú tại: Thôn Blo, xã A Dơk, huyện Đ Đ, tỉnh G L. Vắng mặt (có lý do).

2. Chị P, sinh ngày 27/7/2006.

Trú tại: Thôn Blo, xã A Dơk, huyện Đ Đ, tỉnh G L. Trú tại: Thôn Blo, xã A Dơk, huyện Đ Đ, tỉnh G L. Vắng mặt (có lý do).

3. Chị H, sinh ngày 11/8/2006.

Trú tại: Thôn Blo, xã A Dơk, huyện Đ Đ, tỉnh G L. Trú tại: Thôn Blo, xã A Dơk, huyện Đ Đ, tỉnh G L. Vắng mặt (có lý do).

4. Anh Nguyễn Văn B, sinh năm: 1979.

Trú tại: Thôn Blo, xã A Dơk, huyện Đ Đ, tỉnh G L. Trú tại: Thôn Blo, xã A Dơk, huyện Đ Đ, tỉnh G L. Vắng mặt (có lý do).

5. Anh Hoàng Văn T, sinh năm: 1980.

Trú tại: Thôn Blo, xã A Dơk, huyện Đ Đ, tỉnh G L. Trú tại: Thôn Blo, xã A Dơk, huyện Đ Đ, tỉnh G L. Vắng mặt (có lý do).

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Anh Khoa Đăng L, sinh năm: 1984.

Trú tại: Thôn 6, xã An Phú, thành phố Pleiku, tỉnh G L. Trú tại: Thôn Blo, xã A Dơk, huyện Đ Đ, tỉnh G L. Vắng mặt (có lý do).

2. Chị H, sinh năm: 1981.

Trú tại: Thôn Blo, xã A Dơk, huyện Đ Đ, tỉnh G L.

Người đại diện hợp pháp của bị hại B: Bà B, sinh năm: 1970. Trú tại: Thôn Blo, xã A Dơk, huyện Đ Đ, tỉnh G L. Vắng mặt (có lý do).

Trú tại: Thôn Blo, xã A Dơk, huyện Đ Đ, tỉnh G L.

Người đại diện hợp pháp của bị hại P: Bà Y, sinh năm: 1970. Trú tại: Thôn Blo, xã A Dơk, huyện Đ Đ, tỉnh G L. Vắng mặt (có lý do).

Trú tại: Thôn Blo, xã A Dơk, huyện Đ Đ, tỉnh G L.

Người đại diện hợp pháp của bị hại H: Chị H, sinh năm: 1985. Trú tại: Thôn Blo, xã A Dơk, huyện Đ Đ, tỉnh G L. Vắng mặt (có lý do).

Trú tại: Thôn Blo, xã A Dơk, huyện Đ Đ, tỉnh G L. Trú tại: Thôn Blo, xã A Dơk, huyện Đ Đ, tỉnh G L. Vắng mặt (có lý do).

* Người phiên dịch: Bà H'Hyan.

Địa chỉ: Thôn Plei Thung Đơ, xã An Phú, thành phố P, tỉnh G L. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ ngày 29/6/2023 đến ngày 30/6/2023, J đã ba lần và cùng với C một lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản trên địa bàn thôn Blo, xã ADok, huyện Đ Đ, tỉnh G L, cụ thể:

Lần thứ nhất: Khoảng 00 giờ ngày 29/6/2023, vì không có tiền tiêu xài nên J nảy sinh ý định đi trộm cắp tài sản. J đi dạo trong thôn Blo, xã ADok, huyện Đ Đ, tỉnh G L, khi đi đến nhà chị Pli (sinh năm 2007) tại thôn Blo, xã ADok, huyện Đ Đ, tỉnh G L, J đi ra phía sau thấy phòng bếp không có cửa nên đã đi vào rồi đi đến phòng ngủ. Lúc này, chị Pli, chị B (sinh năm 2007, trú cùng thôn) và chị P (sinh năm 2006, trú cùng thôn) đang nằm ngủ trên giường, còn điện thoại di động để trên đầu giường nên J đã lấy trộm một điện thoại di động nhãn hiệu Vivo Y81S, bên trong ốp lưng điện thoại có số tiền 230.000 đồng của chị B và một điện thoại di động nhãn hiệu OPPO của chị P rồi tiếp tục tìm nhà dân sơ hở để trộm cắp tài sản.

* Tại Kết luận định tài sản số 102/KL-HĐĐGTS ngày 07/9/2023 của Hội đồng định giá tài sản huyện Đ Đ kết luận: 01 điện thoại di động nhãn hiệu VIVO Y81S (mua cũ năm 2021) trị giá 600.000 đồng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO (mua cũ tháng 5/2023) trị giá 1.500.000 đồng.

Lần thứ Hai: Sau khi trộm cắp tài sản tại nhà chị Pli, J tiếp tục đi bộ đến nhà của H (sinh năm 2008) tại thôn Blo, xã ADok, huyện Đ Đ, tỉnh G L, thấy cửa bếp phía sau B tôn không có khoá, được cài B sợi dây nên J mở cửa bếp đi vào bên trong, thấy chị H đang ngủ dưới sàn ở phòng khách nên J đã lấy trộm một điện thoại di động hiệu Realme C3 đang cắm sạc gần trên tường rồi đi bộ đến rẫy cà phê của gia đình tại thôn Blo, xã ADok, huyện Đ Đ, tỉnh G L cất giấu 03 chiếc điện thoại di động trên ở góc cây cà phê rồi đi về nhà ngủ.

* Tại Kết luận định tài sản số 102/KL-HĐĐGTS ngày 07/9/2023 của Hội đồng định giá tài sản huyện Đ Đ kết luận: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi C3 (mua mới đầu năm 2022) trị giá 1.300.000 đồng.

Lần thứ ba: Khoảng 19 giờ ngày 30/6/2023, J điều khiển xe mô tô biển số 81B1-058.32 đi chơi trong thôn thì gặp C, J rủ “*Tý nữa đi trộm trong làng không*”, C nói “*Đi*”. Cả Hi hẹn gặp nHu lúc 22 giờ tại ngã tư tiệm tạp hoá Thoại thuộc thôn Blo, xã ADok, huyện Đ Đ, tỉnh G L.

Khoảng 22 giờ cùng ngày, J đi bộ ra ngã tư gặp C, cả Hi ngồi uống rượu đến gần 24 giờ rồi đi bộ tìm nhà dân sơ hở trộm cắp tài sản. Khi đi đến lều bạt do anh Nguyễn Văn B (sinh năm 1979, trú cùng thôn) dựng Ln để trông coi nhà đang xây

dựng, C đứng ở ngoài canh gác còn J đi vào bên trong lều thấy anh B đang ngủ ở võng nên đã lấy trộm điện thoại di động hiệu Oppo A5 2020 bỏ vào túi quần rồi đi ra chỗ C đang đứng. Sau đó, C say nên đi về nhà ngủ còn J tiếp tục đi trộm cắp tài sản.

* Tại Kết luận định tài sản số 102/KL-HĐĐGTS ngày 07/9/2023 của Hội đồng định giá tài sản huyện Đ Đ kết luận: 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A5 2020 (mua tháng 7/2020) trị giá 3.000.000 đồng.

Lần thứ tư: Sau khi trộm cắp tài sản nhà anh B, J tiếp tục đi bộ đến nhà của anh Hoàng Văn T (sinh năm 1980) tại thôn Blo, xã ADok, huyện Đ Đ, tỉnh G L, thấy nhà đang xây, không có cửa nên J đã đi vào bên trong. Khi đi vào phòng ngủ đầu tiên, thấy anh T đang nằm ngủ dưới sàn nhà, bên cạnh có một chiếc điện thoại di động hiệu Samsung J3 màu trắng đang cắm sạc nên đã lấy chiếc điện thoại này rồi tiếp tục đi vào phòng ngủ bên cạnh lấy trộm một điện thoại di động hiệu Samsung J7 màu trắng. Sau đó, J quay lại phòng ngủ đầu tiên, thấy kệ gỗ ở góc tường có treo áo khoác màu đen nên đã tìm trong túi áo khoác lấy số tiền 6.000.000 đồng rồi đi bộ đến rẫy cà phê của gia đình cất giấu ba chiếc điện thoại di động trên và đi về nhà ngủ.

* Tại Kết luận định tài sản số 102/KL-HĐĐGTS ngày 07/9/2023 của Hội đồng định giá tài sản huyện Đ Đ kết luận: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung J7 (mua năm 2020) trị giá 1.000.000 đồng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung J3 (mua năm 2020) trị giá 700.000 đồng.

Đến trưa ngày 01/7/2023, J điều khiển xe mô tô biển số 81B1-058.32 đến rẫy cà phê của gia đình lấy ba chiếc điện thoại di động rồi điều khiển xe mô tô đến tiệm điện thoại của anh Khoa Đăng L (sinh năm 1984) tại Thôn 6, xã An Phú, thành phố Pleiku, tỉnh G L bán điện thoại di động hiệu Vivo Y81S được 600.000 đồng và tiếp tục điều khiển xe mô tô đến tiệm điện thoại của anh Trần Hữu Thiên Ân (sinh năm 1982) tại Thôn 3, xã An Phú, thành phố Pleiku, tỉnh G L bán điện thoại di động hiệu OPPO A5 2020 được 1.000.000 đồng và điện thoại di động hiệu Redmi C3 được 1.300.000 đồng. Qua làm việc, anh Trần Hữu Thiên Ân không thừa nhận có mua Hi chiếc điện thoại di động như lời kHi của J nên không thu hồi được; anh Khoa Đăng L đã giao nộp chiếc điện thoại di động hiệu Vivo Y81S cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ Đ

Chiều ngày 02/7/2023, J mang điện thoại di động hiệu Samsung J7 và Samsung J3 đi uống rượu trong thôn Blo thì bị rút, bể màn hình điện thoại nên J đã ném Hi chiếc điện thoại di động này vào bụi cỏ bên đường phía trước sân bóng của thôn Blo. Đến ngày 05/7/2023, J đi uống rượu tại trụ điện gió thuộc khu vực làng Brông Goay, xã Ia Pét, huyện Đ Đ, tỉnh G L thì gặp Hi tHnh niên làng Ngom Thung (không rõ lai lịch), J đã bán điện thoại di động hiệu OPPO cho Hi tHnh niên này với giá 200.000 đồng.

Toàn bộ số tiền do trộm cắp mà có, J chia cho C 1.000.000 đồng; còn lại J đã sử dụng hết vào mục đích cá nhân.

Ngày 15/7/2023, tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ Đ, J và C đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình.

Tại Cáo trạng số: 18/CT-VKS ngày 01/02/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ Đ, tỉnh G L truy tố các bị cáo J, C về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

- Tại phiên tòa vị đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo J, C phạm tội “Trộm cắp tài sản” và đề nghị áp dụng:

Áp dụng: khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo J từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù.

Áp dụng: khoản 1 Điều 173; điểm b, h, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo C từ 04 tháng đến 06 tháng tù.

Ngoài ra, vị đại diện Viện kiểm sát cũng đề nghị xử lý về vật chứng và án phí.

- Người bào chữa cho bị cáo J, C nhất trí với bản luận tội của vị đại diện Viện kiểm sát công bố về tội danh, điều khoản mà Viện kiểm sát đã truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng thêm các tình tiết ở khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự cho các bị cáo đó là bị cáo là người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn trình độ hiểu biết pháp luật còn hạn chế. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt các bị cáo J, C với mức hình phạt thấp nhất mà Viện kiểm sát đề nghị.

- Ý kiến của các bị cáo J, C: Nhất trí với quan điểm truy tố của Viện kiểm sát về tội danh, điều khoản và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Nhất trí với quan điểm của người bào chữa. Xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

- Ý kiến của bị hại: Trong đơn xin xét xử vắng mặt bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

- Ý kiến của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Không.

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; Trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, lời khai của bị cáo;

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Đ Đ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ Đ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, những người tham gia tố tụng không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Tại phiên toà hôm nay, sau khi Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ Đ công bố bản cáo trạng thì các bị cáo J, C đã thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng đã nêu. Lời kHi đó hoàn toàn phù hợp với kết luận điều tra của cơ quan Công an huyện Đ Đ, với bản Cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đ Đ, biên bản kiểm tra hiện trường, kết luận định giá tài sản, lời kHi của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án và với các tài liệu chứng cứ khác đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã có đủ cơ sở kết luận: Vào các ngày 29/6/2023, 30/6/2023 tại thôn Blo, xã ADok, huyện Đ Đ, tỉnh G L, J đã ba lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản là một điện thoại di động nhãn hiệu VIVO Y81S của chị B trị giá 600.000 đồng, bên trong ốp lưng điện thoại có số tiền 230.000 đồng; một điện thoại di động nhãn hiệu OPPO của chị P trị giá 1.500.000 đồng; một điện thoại di động nhãn hiệu Realme C3 của chị H trị giá 1.300.000 đồng và Hi điện thoại di động hiệu Samsung J3, J7 của anh Hoàng Văn T trị giá 1.700.000 đồng cùng số tiền 6.000.000 đồng. Ngoài ra, J cùng với C thực hiện hành vi trộm cắp tài sản vào ngày 30/6/2023 tại thôn Blo, xã ADok, huyện Đ Đ, tỉnh G L là một điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A5 2020 của anh Nguyễn Văn B trị giá 3.000.000 đồng. Trong khi các bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, phạm tội với lỗi cố ý, nhận thức rõ hành vi phạm tội của mình bị pháp luật cấm nhưng vẫn thực hiện.

Vì vậy, hành vi trên của các bị cáo J, C đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm tài sản” được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Do đó, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ Đ đã truy tố đối với các bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ tội phạm: Quyền sở hữu về tài sản của công dân là bất khả xâm phạm, luôn được pháp luật tôn trọng và bảo vệ, mọi hành vi xâm phạm bất hợp pháp đều bị pháp luật trừng trị. Hành vi trộm cắp của bị cáo J, C làm ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự, trị an ở địa phương, kỷ cương pháp luật, xâm phạm tài sản của người khác một cách trái pháp luật, gây tâm lý Hg mang trong nhân dân. Vì vậy, việc đưa các bị cáo ra xét xử công kHi như ngày hôm nay là cần thiết, thể hiện sự nghiêm minh của pháp luật. Mặc khác các bị cáo có nhân thân xấu, đối với bị cáo J, ngày 29/12/2016, bị Tòa án nhân dân huyện Đ Đ, tỉnh G L xử phạt 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng về tội “*Cướp tài sản*” tại Bản án số 37/2016/HSST (Đã xóa án tích), đối với bị cáo C, ngày 14/6/2011, bị Tòa án nhân dân huyện Chư Sê, tỉnh G L xử phạt 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng về tội “*Trộm cắp tài sản*” tại Bản án số 41/2011/HSST (Đã xóa án tích). Mặc dù đã từng bị kết án nhưng các bị cáo lại không lấy đó làm bài học để cảnh tỉnh cho bản thân mà lại tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Tuy nhiên cũng cần xem xét đánh giá vai trò, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, nhân thân đối với từng bị cáo để áp dụng hình phạt tương xứng.

[4] Đây là vụ án có nhiều bị cáo tHm gia nhưng không có sự bàn bạc, phân công vai trò giữa các bị cáo nên đây là vụ án đồng phạm giản đơn.

[5] Về vai trò: Trong vụ án này, bị cáo J là người khởi xướng việc phạm tội, là người trực tiếp rủ rê bị cáo C thực hiện 01 lần trộm cắp tài sản. Khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo là người thực hiện tích cực nhất. Chính bị cáo là người trực tiếp bốn lần thực hiện hành vi trộm cắp, trong đó có ba lần đủ yếu tố cấu thành tội phạm với tổng trị giá tài sản bị chiếm đoạt là 14.330.000 đồng. Đối với bị cáo C, bị cáo chỉ giữ vai trò là đồng phạm, bị cáo trực tiếp một lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản cùng bị cáo J với trị giá tài sản bị chiếm đoạt là 3.000.000 đồng. Nên bị cáo J phải chịu trách nhiệm chính trong vụ án.

[6] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, các bị cáo J, C đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã bồi thường thiệt hại cho bị hại và được bị hại xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo. Bị cáo C phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn. Các bị cáo là người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn. Do đó, các bị cáo đều được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Đối với bị cáo C được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Đối với bị cáo J, bị cáo ba lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản đủ yếu tố cấu thành tội phạm nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[7] Từ những phân tích trên, căn cứ vào tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, nhân thân, lai lịch, điều kiện hoàn cảnh gia đình, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết cách ly các bị cáo J, C ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để các bị cáo cải tạo thành người có ích và đảm bảo tính giáo dục và phòng ngừa chung cho xã hội.

[8] Đối với anh Khoa Đăng L là người đã mua điện thoại di động hiệu Vivo Y81S. Tuy nhiên, khi mua tài sản này, anh L không biết đây là tài sản do phạm tội mà có nên không có căn cứ xử lý

Đối với bà H là chủ sở hữu xe mô tô biển số 81B1-058.32, ngày 01/7/2023, J tự ý lấy xe mô tô này đi bán tài sản trộm cắp, bà H không biết nên không có căn cứ để xử lý.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo J đã bồi thường cho chị P số tiền 1.500.000 đồng, chị H số tiền 1.300.000 đồng, anh Nguyễn Văn B số tiền 1.500.000 đồng, anh Hoàng Văn T số tiền 7.700.000 đồng; trả lại cho anh Khoa Đăng L số tiền 600.000 đồng. Bị cáo C đã bồi thường cho anh Nguyễn Văn B số tiền 1.500.000 đồng. Bị hại B đã nhận lại tài sản và số tiền 230.000 đồng. trong đơn xét xử vắng mặt không ai có yêu cầu bồi thường thêm nên Hội đồng xét xử không xét.

[10] Về vật chứng:

- Đối với điện thoại di động nhãn hiệu VIVO Y81S, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ Đ đã xử lý vật chứng trả lại cho chị B là phù hợp.

- Đối với điện thoại di động nhãn hiệu OPPO; điện thoại di động nhãn hiệu Redmi C3; điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A5 2020; điện thoại di động nhãn

hiệu Samsung J7; điện thoại di động nhãn hiệu Samsung J3. Cơ quan Cảnh điều tra Công an huyện Đ Đ đã tiến hành truy tìm nhưng không thu giữ được nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Đối với xe mô tô biển số 81B1-058.32 mà J sử dụng để đi bán tài sản trộm cắp. Qua điều tra, xác định xe mô tô này thuộc sở hữu của bà H (sinh năm 1981) là mẹ của J; ngày 01/7/2023, J tự ý lấy xe mô tô này đi bán tài sản trộm cắp, bà H không biết nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ Đ đã xử lý vật chứng trả lại cho chủ sở hữu là phù hợp.

[11] Từ những nội dung mà Hội đồng xét xử đã phân tích, xem xét nêu trên nên nhận thấy những nội dung mà Viện kiểm sát truy tố tại bản cáo trạng và đề nghị tại phiên tòa là có cơ sở nên được chấp nhận.

[12] Về án phí: Các bị cáo J, C sinh sống ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn. Các bị cáo có đơn xin miễn tiền án phí và tại phiên tòa hôm nay bị cáo cũng xin được miễn tiền án phí. Căn cứ điểm đ Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bị cáo Nuk miễn nộp án phí Hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: Điều 135; Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Về tội danh:

- Tuyên bố các bị cáo J, C phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Về hình phạt:

- Áp dụng: khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự:

Xử phạt: Bị cáo J 01 (Một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày có biên bản bắt thi hành án.

- Áp dụng: khoản 1 Điều 173; điểm b, h, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự:

Xử phạt: Bị cáo C 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày có biên bản bắt thi hành án.

3. Về án phí: Các bị cáo J, C miễn nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 25/4/2024) các bị cáo có quyền làm đơn kháng cáo bản án Ln Tòa án nhân dân tỉnh G L để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Riêng bị hại, người đại diện hợp pháp cho bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền

kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh G L.
- VKSND tỉnh G L.
- VKSND huyện Đ Đ.
- CA huyện Đ Đ.
- Bị cáo.
- Bị hại; Người đại diện HP
- Người bào chữa.
- Người có QLNVLQ đến vụ án.
- Chi cục THDS huyện Đ Đ
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Bùi Viết Minh Quân